

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch trung hạn phát triển khoa học và công nghệ của Trường Đại học Hà Tĩnh, giai đoạn 2019-2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 26/8/2015 của Đảng bộ Trường Đại học Hà Tĩnh lần thứ III, nhiệm kỳ 2015-2020;

Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-TĐHHT ngày 07/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh về ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Tĩnh”;

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-TĐHHT ngày 5/5/2016 của Hiệu trưởng Đại học Hà Tĩnh về ban hành “Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Hà Tĩnh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030”.

Căn cứ Quyết định số 875/QĐ-TĐHHT ngày 01/6/2016 về ban hành “Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn 2030”.

Căn cứ vào các điều kiện cụ thể của Trường Đại học Hà Tĩnh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch trung hạn phát triển khoa học và công nghệ” của Trường Đại học Hà Tĩnh, giai đoạn 2019-2021.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Phòng Quản lý Khoa học và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, QLKH.



Q. HIỆU TRƯỞNG

TS. Đoàn Hoài Sơn

KẾ HOẠCH TRUNG HẠN

Về Phát triển Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2019-2021

(Ban hành tại Quyết định số 346/QĐ/TĐHHT ngày 07 tháng 6 năm 2019)

1. Căn cứ xây dựng Kế hoạch

- Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;
- Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 26/8/2015 của Đảng bộ Trường Đại học Hà Tĩnh lần thứ III, nhiệm kỳ 2015-2020;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Tĩnh ban hành tại Quyết định số 1328/QĐ-TĐHHT ngày 07/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh;
- Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-TĐHHT ngày 5/5/2016 của Hiệu trưởng Đại học Hà Tĩnh về ban hành kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Hà Tĩnh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;
- Căn cứ Quyết định số 875/QĐ-TĐHHT ngày 01/6/2016 về ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn 2030;
- Căn cứ vào các điều kiện cụ thể của Trường Đại học Hà Tĩnh.

2. Thực trạng hoạt động KH&CN của Trường Đại học Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2019

2.1. Thực trạng nghiên cứu

Trong những năm qua, Trường ĐHTT đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về quản lý hoạt động NCKH trong CB, GV và SV toàn trường. Đối với GV, ngoài công tác giảng dạy, hoạt động NCKH luôn được gắn liền với biên soạn các bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo môn học; chủ trì đề tài NCKH các cấp; viết bài cho tạp chí, hội nghị, hội thảo trong và ngoài trường. Đối với sinh viên, hoạt động NCKH gắn với nghiên cứu đề tài, làm tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp...

Nhiệm vụ NCKH luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao uy tín, vị thế của nhà trường, được xác định rõ trong sứ mạng, mục tiêu phát triển của Trường và được chỉ đạo triển khai tích cực với nhiều giải pháp.

Trong năm học 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019, cán bộ, giảng viên của Trường đã thực hiện 31 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, trong đó có 01 đề tài cấp Bộ, 03 đề tài cấp tỉnh, 27 đề tài cấp trường và 259 đề tài khoa học của sinh viên; xuất bản 08 giáo trình, 20 sách chuyên khảo, tham khảo. Tạp chí Khoa học của trường xuất bản 03 số/năm với số lượng 15-20 bài mỗi số; 1032

bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học, trong đó có 9 bài ở các tạp chí quốc tế, 253 bài đăng tạp chí khoa học trong nước thuộc danh mục Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm; 191 bài đăng Kỷ yếu Hội nghị, Hội thảo khoa học quốc tế; 343 bài đăng Hội thảo khoa học quốc gia; 136 bài đăng Hội thảo khoa học cấp tỉnh.

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường, đồng thời đã góp phần thiết thực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực và sự phát triển KTXH của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc miền Trung.

Tuy nhiên, hoạt động KH&CN của Nhà trường vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển và đòi hỏi của xã hội; nhận thức của một bộ phận cán bộ giảng viên về nghiên cứu khoa học chưa đúng đắn và chưa đặt nghiên cứu khoa học ngang tầm với hoạt động đào tạo; chưa có nhiều đề tài, dự án KHCB cấp cao; hoạt động thương mại hóa sản phẩm, CGCN, SHTT hầu như không có. Công tác quản lý khoa học của Nhà trường còn nhiều bất cập, năng lực KH&CN của Nhà trường chưa cao.

2.2. Thực trạng đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu

TT	Chức danh	Năm học					
		2016-2017		2017-2018		2018-2019	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Giáo sư	1	0.46	1	0.48	1	0.5
2	P. Giáo sư	2	0.92	2	0.95		
3	Tiến sỹ	17	7.83	24	11.43	28	14.5
4	Thạc sỹ	157	72.35	168	80	153	80
5	Đại học	41	18.89	17	8.1	10	5
	Tổng	218		212		193	

Từ số liệu trên, có thể thấy, số lượng cán bộ, giảng viên có học hàm, học vị cao, khoa học đầu ngành có khả năng đảm nhận và chủ trì thực hiện các nghiên cứu mũi nhọn còn rất ít. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến số lượng các đề tài NCKH cấp cao của Nhà trường còn hạn chế.

2.3. Kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học

TT	Nội dung	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Số tiền	Tỉ lệ	Số tiền	Tỉ lệ	Số tiền	Tỉ lệ
1	Tổng thu	61,918	100	64,993	100	48,367	100
2	Ngân sách NN	41,977	68	46,868	72	32,167	67
3	Thu sự nghiệp	19,941	32	18,125	28	16,200	33
4	Chi cho NCKH	3,298	5.29	3,500	6	2,100	4
5	Chi cho HTQT	500	0.80	600	1	400	1
6	Chi cho CSVC	1,963	3.15	1,500	2	1,800	4

Từ số liệu trên, có thể thấy nguồn kinh phí cấp cho hoạt động KH&CN của Nhà trường còn rất hạn chế và ngày càng giảm, chưa đáp ứng yêu cầu theo quy

định. Nguyên nhân chủ yếu, có thể xác định là do tỷ lệ tuyển sinh của Nhà trường ngày càng thấp.

3. Tồn tại, hạn chế

- Đội ngũ giảng viên chưa đủ mạnh, thiếu các giảng viên có trình độ cao (Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sỹ), khoa học đầu ngành; trình độ ngoại ngữ, đặc biệt là Tiếng Anh còn hạn chế nên khó khăn về hoạt động nghiên cứu và hợp tác quốc tế với các trường đại học lớn trong và ngoài nước; chưa có nhóm nghiên cứu mạnh dẫn dắt, tạo động lực về nghiên cứu khoa học và công bố khoa học.

- Đề tài nghiên cứu khoa học các cấp nhìn chung chưa nhiều và chưa có chất lượng cao; chưa có đề tài thuộc Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ Quốc gia (Nafosted); số lượng đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh có ứng dụng thực tiễn gắn với phát triển kinh tế xã hội của địa phương, khu vực còn hạn chế.

- Các công bố đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, đặc biệt là các tạp chí thuộc danh mục uy tín ISI/ Scopus còn khiêm tốn.

- Kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học thấp, chưa tạo được động lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ cán bộ, giảng viên.

4. Mục tiêu

4.1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học Trường Đại học Hà Tĩnh theo hướng tăng cả về số lượng và chất lượng các công trình khoa học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế.

- Nghiên cứu khoa học và công nghệ tập trung theo hướng triển khai các kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống.

4.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể 1. Nâng cao thể mạnh nghiên cứu của trường, đặc biệt là về khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, quản trị kinh doanh, lý luận chính trị, nông nghiệp ... thông qua việc thành lập một trung tâm hay viện nghiên cứu/ doanh nghiệp công nghệ.

Mục tiêu cụ thể 2. Mở rộng hợp tác nghiên cứu khoa học, đặc biệt với các trường đại học và các viện nghiên cứu nước ngoài

Mục tiêu cụ thể 3. Tập trung nghiên cứu liên quan đến việc hoạch định chính sách và có tính ứng dụng cao thông qua việc phối hợp với các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Mục tiêu cụ thể 4. Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động nghiên cứu, trong đó chú trọng đầu tư nguồn kinh phí phục vụ hoạt động KH&CN.

Mục tiêu cụ thể 5. Xây dựng kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng phát triển đội ngũ nghiên cứu.

Mục tiêu cụ thể 6. Xây dựng chính sách khuyến khích NCKH hợp lý.

Mục tiêu cụ thể 7. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.

5. Nhiệm vụ cần thực hiện để đạt được các mục tiêu cụ thể

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chịu trách nhiệm	Thời hạn hoàn thành	Chỉ tiêu đánh giá
1	Mục tiêu cụ thể 1. Nâng cao thể mạnh nghiên cứu của trường, đặc biệt là về khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, quản trị kinh doanh, lý luận chính trị, nông nghiệp ... thông qua việc thành lập một trung tâm hay viện nghiên cứu hay doanh nghiệp công nghệ.			
1.1.	Củng cố và nâng cao thể mạnh nghiên cứu của trường	BGH PQLKH Các Khoa/ Bộ môn	Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng số lượng và chất lượng công trình NCKH, tập trung vào các lĩnh vực có thế mạnh của Nhà trường - Hàng năm có khoảng 15-20 bài công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/ Scopus và các tạp chí quốc tế khác có chỉ số ISSN; Ít nhất mỗi giảng viên viết 01 bài báo trên các tạp chí có chỉ số/năm; Tạp chí Khoa học của Nhà trường xuất bản 03 số/năm; 01 đề tài cấp Nhà nước, 01-02 đề tài cấp Bộ, 01-02 đề tài cấp Tỉnh, 15-20 đề tài cấp cơ sở đạt tỷ lệ 10 giảng viên/ 1 đề tài NCKH/ năm; Tổ chức 01 Hội thảo quốc tế; xuất bản 03-05 sách chuyên khảo, giáo trình; các nhóm nghiên cứu khoa học làm chủ nhiệm 1-2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Quốc gia (Nafosed) -100% đề tài NCKH được ứng dụng vào thực tế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, khu vực và cả nước.

1.2	Thành lập viện nghiên cứu	BGH PQLKH Các Khoa/ Bộ môn	2019-2021 (thành lập Viện) Chỉ tiêu theo hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng bài báo, tạp chí ấn phẩm hàng năm: 02 số/năm. - Số lượng Hội thảo, Hội nghị: 04/năm - Có thu nhập từ dự án NCKH - Có thu nhập từ tư vấn doanh nghiệp
2	Mục tiêu cụ thể 2. Mở rộng hợp tác nghiên cứu khoa học, đặc biệt với các trường đại học và các viện nghiên cứu nước ngoài			
2.1	Mở rộng hợp tác nghiên cứu khoa học trong nước	BGH PQLKH Các Khoa/ Bộ môn	2019-2021	<ul style="list-style-type: none"> - Số trường đại học, viện nghiên cứu trong nước tham gia hợp tác nghiên cứu khoa học: 20 - Số công trình khoa học có sự tham gia hợp tác của các trường đại học, các viện nghiên cứu khác/tổng số công trình: 10 - Thu nhập từ công trình hợp tác nghiên cứu trong nước/tổng thu nhập: 20%
2.2	Mở rộng hợp tác NCKH với các trường đại học, các viện nghiên cứu nước ngoài	BGH PQLKH Các Khoa/ Bộ môn	2019-2021	<ul style="list-style-type: none"> - Số trường đại học, viện nghiên cứu quốc tế có hợp tác nghiên cứu khoa học: 10 - Số đề tài theo nghị định thư: 1-2 - Số dự án được tài trợ quốc tế: 1-2 - Thu nhập từ nghiên cứu có hợp tác quốc tế/ tổng thu nhập nghiên cứu khoa học: 10%
3	Mục tiêu cụ thể 3. Tập trung nghiên cứu liên quan đến việc hoạch định chính sách và có tính ứng dụng cao thông qua việc phối hợp với các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp trong và ngoài nước.			
3.1	Kế hoạch, chương trình hợp tác với các đơn vị khác	BGH PQLKH Các Khoa/ Bộ môn	2019-2021	<ul style="list-style-type: none"> - Số cơ quan nhà nước cấp trung ương tham gia phối hợp nghiên cứu khoa học: 5 - Số tỉnh, thành phố tham gia phối hợp nghiên cứu khoa học: 10
3.2	Đề xuất các dự án, đề tài liên quan đến việc hợp tác	BGH PQLKH Các Khoa/ Bộ môn	2019-2021	<ul style="list-style-type: none"> - Số doanh nghiệp tham gia phối hợp nghiên cứu khoa học: 20 - Số cơ quan tổ chức quốc tế tham gia phối hợp nghiên cứu khoa học: 10 - Có thu nhập từ hoạt động phối hợp nghiên cứu. - Các đề xuất được triển khai: 05
4	Mục tiêu cụ thể 4. Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động nghiên cứu, trong đó chú trọng đầu tư nguồn kinh phí phục vụ hoạt động KH&CN.			

4.1	Đầu tư cơ sở vật chất	BGH	2019-2021	Diện tích nghiên cứu: 10.000m ² Số máy tính phục vụ nghiên cứu: 20
4.2	Đầu tư cơ sở dữ liệu	BGH	2019-2021	- Chi phí cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu: 10 tỷ VND - Chi phí cơ sở dữ liệu báo trực tuyến: 50 triệu VND - Chi phí cơ sở dữ liệu thông tin kinh tế, tài chính: 50 triệu VND
5	Mục tiêu cụ thể 5. Xây dựng kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng phát triển đội ngũ nghiên cứu.			
5.1	Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng	BGH Trưởng các khoa/ bộ môn, phòng chức năng	2019-2021	- Số nghiên cứu viên được tham gia bồi dưỡng, đào tạo trong nước: 75 - Số nghiên cứu viên được tham gia bồi dưỡng, đào tạo ngoài nước: 25 - Chi phí bồi dưỡng, đào tạo nghiên cứu viên.
6	Mục tiêu cụ thể 6. Xây dựng chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học hợp lý			
6.1	Xây dựng quy chế về khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu khoa học	BGH Trưởng các khoa/ bộ môn, phòng chức năng	2019-2021	- Thời gian nghiên cứu khoa học/tổng thời gian yêu cầu để hoàn thành nhiệm vụ: 50%. - Thu nhập từ nghiên cứu khoa học/tổng thu nhập: 20%. - Thưởng nghiên cứu khoa học/nghiên cứu viên.
7	Mục tiêu cụ thể 7. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên			
7.1	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên	PQLKH Các khoa/ bộ môn Các giảng viên Đoàn TN	2019-2021	- 100% sinh viên tham gia hoạt động sinh viên NCKH - Hàng năm nhà trường có sinh viên tham gia các cuộc thi về sinh viên NCKH, đạt giải; - Sinh viên tham gia viết bài đăng ở các tạp chí, kỷ yếu khoa học.

6. Định hướng, giải pháp thực hiện mục tiêu đặt ra

6.1. Định hướng chung

6.1. Định hướng hoạt động KH&CN

Phát triển Trường trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức khoa học, công nghệ góp phần phục vụ phát triển KT-XH của tỉnh Hà Tĩnh,

khu vực và cả nước. Trường đạt được các tiêu chí của Trường Đại học phát triển theo định hướng ứng dụng.

Đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ đến các cơ sở sản xuất.

Bồi dưỡng năng lực đội ngũ cán bộ nghiên cứu có đủ điều kiện chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Nhà nước, Bộ, Tỉnh; có nhiều công trình khoa học được công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế; tạo sự chuyên biến về số lượng và chất lượng đề tài; thu hút các nguồn lực xã hội cho công tác nghiên cứu; tăng nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

6.1.2. Một số định hướng cụ thể

- Đổi mới công tác xây dựng kế hoạch phát triển khoa học & công nghệ của Nhà trường: Kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học và triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt;

- Xây dựng kế hoạch phát triển các nhóm nghiên cứu;

- Xây dựng kế hoạch phát triển, nâng cao chất lượng tạp chí khoa học theo hướng theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế;

- Xây dựng trung tâm nghiên cứu ứng dụng, thực hành và trải nghiệm sáng tạo về nông nghiệp và môi trường phục vụ các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, thực hành và trải nghiệm sáng tạo cho học sinh, sinh viên và cộng đồng;

- Đầu tư một số công trình NCKH của sinh viên tham gia các Giải thưởng Sinh viên NCKH cấp Bộ.

6.2. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện các mục tiêu đặt ra

6.2.1. Tăng cường công tác quản lý và thực hiện các nhiệm vụ KH&CN

- Huy động nguồn lực, phát huy vai trò của các nhóm nghiên cứu trong các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên mà Nhà trường có thế mạnh, gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khu vực và cả nước và để thực hiện các dự án liên quan đến CGCN; khuyến khích thúc đẩy đăng ký phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, tư vấn chính sách trong các lĩnh vực có thế mạnh của Nhà trường.

- Có biện pháp khuyến khích các đề tài thuộc lĩnh vực Khoa học Giáo dục có sản phẩm ứng dụng, phục vụ trực tiếp cho công cuộc đổi mới toàn diện của ngành và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường

- Đẩy mạnh hơn nữa hợp tác với các cơ sở nghiên cứu có uy tín trong nước dưới nhiều hình thức khác nhau (phối hợp xây dựng đề tài, dự án; đồng chủ trì đề tài; là thành viên tham gia đề tài, ...) nhằm tăng số lượng, chất lượng các công trình, đề tài, dự án KH&CN; tăng cường hơn nữa đầu tư chương trình dự án hợp tác với địa phương, các cơ sở nghiên cứu trong khu vực.

- Tư vấn, lựa chọn một số đề tài lớn, có chất lượng theo hướng chuyên ngành và liên ngành đáp ứng nhu cầu phát triển nhà trường, tập hợp được nhiều cán bộ khoa học trong và ngoài trường tham gia thực hiện dưới hình thức tuyển chọn. Đây là hướng đổi mới căn bản phương thức và nội dung công tác quản lý khoa học trong trường Đại học Hà Tĩnh phù hợp với thực tế hiện nay.

- Có các giải pháp nhằm gia tăng các công bố bằng Tiếng Anh trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín.

- Thường xuyên kiểm tra, đốc thúc các chủ nhiệm đề tài thực hiện đề tài đúng thời hạn; có các công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành thuộc Danh mục Hội đồng Giáo sư Nhà nước, tạp chí khoa học có chỉ số; có các sản phẩm đào tạo theo đúng quy định, qua đó gia tăng chất lượng các đề tài.

- Tạo ra phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên sâu rộng ở tất cả các khoa đào tạo. Quản lý tốt hơn khâu tuyển chọn các đề tài nghiên cứu khoa học ở cấp khoa. Thực hiện đúng quy trình đăng ký và phê duyệt đề tài NCKH sinh viên. Hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên phải được gắn với hoạt động đào tạo trong thực tập cuối khóa hoặc khóa luận tốt nghiệp. Khuyến khích sinh viên gắn đề tài nghiên cứu, khóa luận tốt nghiệp với nhu cầu thực tiễn từ xã hội, doanh nghiệp và địa phương. Phấn đấu để có nhiều công trình sinh viên NCKH đạt giải cấp Bộ và tham dự Hội nghị tuổi trẻ sáng tạo theo định kỳ của các khối ngành.

- Chỉ đạo các đơn vị đăng ký tổ chức các Hội nghị, Hội thảo khoa học theo hướng liên ngành, liên trường và các Hội nghị, Hội thảo khoa học cấp quốc gia, khu vực và Quốc tế;

6.2.2. *Đổi mới quản lý các hoạt động KHCN*

- Xây dựng Kế hoạch hoạt động Khoa học và Công nghệ hàng năm gắn với chỉ tiêu được đề ra tại Kế hoạch này. Cụ thể: Hàng năm có khoảng 15-20 bài công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/ Scopus và các tạp chí quốc tế khác có chỉ số ISSN; Ít nhất mỗi giảng viên viết 01 bài báo trên các tạp chí có chỉ số/năm; Tạp chí Khoa học của Nhà trường xuất bản 03 số/năm; 01 đề tài cấp Nhà nước, 01-02 đề tài cấp Bộ, 01-02 đề tài cấp Tỉnh, 15-20 đề tài cấp cơ sở đạt tỷ lệ 10 giảng viên/ 1 đề tài NCKH/ năm; Tổ chức 01 Hội thảo quốc tế; xuất bản 03-05 sách chuyên khảo, giáo trình; các nhóm nghiên cứu khoa học làm chủ nhiệm 1-2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Quốc gia (Nafosed); 100% đề tài NCKH được ứng dụng vào thực tế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, khu vực và cả nước;

- Tăng cường sự gắn kết giữa hoạt động đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học và coi đây là một cấu thành của quy trình đào tạo trong nhà trường.

- Có chính sách ưu tiên gia tăng số lượng công bố chất lượng cao ISI, SCI, và tham gia các Hội nghị quốc tế để tăng mức độ đóng góp cho khoa học

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định về tổ chức và quản lý các hoạt động KHCN. Cụ thể: rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện Quy định Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ; Xây dựng Quy định về Biên soạn và phát hành giáo trình, tài liệu; Quy định về Quản lý hoạt động NCKH của sinh viên.

- Xây dựng quy trình đăng ký và khoán hoàn thành chỉ tiêu công bố khoa học của đơn vị và GV.

- Nghiên cứu định hướng, xu hướng hoạt động KHCN, vận dụng các mối quan hệ và hợp tác trong lĩnh vực NCKH giữa Nhà trường với các cơ quan, đơn vị, tổ chức bên ngoài để tổ chức các Hội nghị, hội thảo mang tầm quốc gia, quốc tế, tỉnh, qua đó góp phần nâng cao uy tín khoa học của Nhà trường

- Coi trọng việc tổng kết hoạt động KH&CN hàng năm, phân tích việc hoàn thành nhiệm vụ KH&CN và xây dựng các biện pháp khuyến khích các đơn vị, GV thực hiện các nghiên cứu, đảm bảo đạt số giờ nghiên cứu theo quy định.

6.2.3. Phối hợp nghiên cứu khoa học với các trường đại học trong nước và quốc tế

Mở rộng việc phối hợp nghiên cứu khoa học với các trường đại học trong nước và quốc tế, trong đó có các trường đại học trực thuộc địa phương. Đề xuất thành lập mạng lưới hợp tác nghiên cứu và đào tạo của các trường đại học trực thuộc địa phương.

6.2.4. Gắn NCKH với thị trường KH&CN

- Gắn các hoạt động KH&CN, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ với các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hà Tĩnh. Tạo môi trường thuận lợi để các đơn vị xây dựng kế hoạch chương trình nghiên cứu và ứng dụng các kết quả theo đơn đặt hàng với các cơ sở sản xuất và doanh nghiệp.

- Tích cực và chủ động giới thiệu các thành tựu nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường trên Tạp chí, website và các phương tiện thông tin khác. Đẩy mạnh hoạt động trao đổi thông tin khoa học với các trường đại học và các viện nghiên cứu trong nước, các cơ quan khoa học trong tỉnh, bám sát nhu cầu của địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ KH&CN.

- Đẩy mạnh và tăng tỷ lệ các nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và áp dụng tiến bộ phục vụ sản xuất và đời sống, đặc biệt là nông nghiệp, nông thôn, vùng xa và vùng khó khăn của tỉnh Hà Tĩnh

6.2.5. Tăng cường cơ sở vật chất và tài chính cho NCKH

- Xây dựng cơ chế quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí được cấp, nguồn kinh phí từ hoạt động chuyển giao công nghệ và quỹ thời gian dành cho hoạt động KH&CN hàng năm của CBGV trong trường.

- Có biện pháp thích hợp hỗ trợ về tài chính và cơ sở vật chất cho công tác NCKH. Khuyến khích các đề tài, dự án khoa học thuộc lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng; vay vốn sản xuất thử và có địa chỉ áp dụng.

7. Tổ chức thực hiện

7.1. Phòng Quản lý Khoa học

- Xây dựng Kế hoạch KH&CN hàng năm trên cơ sở đảm bảo đảm sát các mục tiêu, nội dung được đề ra tại Kế hoạch chiến lược này.

- Xây dựng và trình Hiệu trưởng ban hành các cơ chế, chính sách, quy định để cụ thể hóa các nội dung của Kế hoạch chiến lược này.

- Hướng dẫn các Khoa, Phòng, Ban, Bộ môn triển khai công tác NCKH, hỗ trợ các Khoa, bộ môn đăng ký tham gia và triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ NCKH hàng năm của Nhà nước, các Bộ, ngành, địa phương.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo Hiệu trưởng việc thực hiện các nhiệm vụ tại Quyết định này.

7.2. Các khoa/ bộ môn

- Bám sát các định hướng và Kế hoạch hoạt động KH-CN hàng năm của Nhà trường để chủ động nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của khoa;

- Ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo của khoa;

- Có các giải pháp thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên;

- Hỗ trợ và tạo điều kiện cho giảng viên hướng dẫn và sinh viên trong thực hiện nghiên cứu;

7.3. Phòng Kế hoạch Tài chính

Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất về thủ tục tài chính và đảm bảo các hồ sơ thanh quyết toán các nhiệm vụ KH-CN được thực hiện đúng quy định.

7.4. Các đơn vị khác trực thuộc Nhà trường

Phổ biến các nội dung của Kế hoạch chiến lược này đến tất cả các đơn vị, viên chức, người lao động, sinh viên, học viên trong toàn đơn vị. Chủ động huy động và phát triển các nguồn lực để tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch Chiến lược này./.